

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03-02-2021

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Đỗ Hữu L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố Cl, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim X – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Kim X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trương Thị Nguyệt A, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố Cl, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông L, bà X có mặt, bà Nguyệt A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Đỗ Hữu L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Ngô Thị Kim X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Nguyệt A kết hôn năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã (nay là thành phố) CL được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 10/7/1993.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2003 đến nay, Ông L và bà Nguyệt A phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh

phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông L nhiều lần hằn gấn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Nay Ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A.

Về con chung: Ông L và bà Nguyệt A có 01 con chung tên Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 05/5/1982, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đã phân chia theo bản án số 28/2018/HNGĐ-PT, ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Trương Thị Nguyệt A có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án như sau:

Bà Nguyệt A không đồng ý ly hôn với ông Đỗ Hữu L vì bà còn thương Ông L và bà Nguyệt A cho rằng Ông L đang chung sống với người phụ nữ tên Nguyễn Thị Tú E tại Khóm Y, Phường D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15/7/2020, bà Nguyệt A có đơn yêu cầu xử lý hình sự về việc Ông L vi phạm pháp luật về chế độ hôn nhân một vợ một chồng.

Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh chuyển đơn yêu cầu của bà Nguyệt A đến Công an thành phố Cao Lãnh để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2020, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Cao Lãnh có công văn số 65/CQĐT về việc trả lời kết quả giải quyết yêu cầu xử lý hình sự của bà Nguyệt A. Căn cứ kết quả xác minh, Cơ quan Cảnh sát Điều tra xét thấy vụ việc không có dấu hiệu tội phạm nên không đưa vào thụ lý nguồn tin về tội phạm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Quá trình tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật. Đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Đỗ Hữu L về việc yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Đỗ Hữu L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là Trương Thị Nguyệt A nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Trương Thị Nguyệt A có địa chỉ tại Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn là Trương Thị Nguyệt A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Trương Thị Nguyệt A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Nguyệt A kết hôn năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 10/7/1993, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2004 đến nay, Ông L và bà Nguyệt A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông L nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Nay Ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Trương Thị Nguyệt A có văn bản ý kiến trình bày là không đồng ý ly hôn với ông Đỗ Hữu L.

Xét thấy, Ông L và bà Nguyệt A đã ly thân từ năm 2003 đến nay, tại phiên tòa Ông L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tình trạng mâu thuẫn giữa Ông L và bà Nguyệt A đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định khi đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông L về việc yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà Nguyệt A có 01 con chung tên Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 05/5/1982, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng bản án số 28/2018/HNGĐ-PT, ngày 22/10/2018 đã có hiệu lực pháp luật và không có yêu cầu nào khác về tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[2.4] Ngày 15/7/2020, bà Nguyệt A có đơn yêu cầu xử lý hình sự về việc Ông L vi phạm pháp luật về chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã chuyển đơn yêu cầu của bà Nguyệt A đến Công an thành phố Cao Lãnh để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 25/12/2020, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Cao Lãnh có công văn số 65/CQĐT về việc trả lời kết quả giải quyết yêu cầu xử lý hình sự của bà Nguyệt A. Căn cứ kết quả xác minh, Cơ quan Cảnh sát Điều tra xác định vụ việc không có dấu hiệu tội phạm nên không đưa vào thụ lý nguồn tin về tội phạm.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hữu L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do

Ông L được miễn án phí nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đỗ Hữu L là 300.000 đồng theo biên lai số 0008130, ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trương Thị Nguyệt A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6] Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 12, 14, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Đỗ Hữu L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hữu L được ly hôn với bà Trương Thị Nguyệt A.

- Về con chung: Ông L và bà Nguyệt A có 01 con chung tên Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 05/5/1982, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hữu L được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đỗ Hữu L là 300.000 đồng theo biên lai số 0008130, ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà Trương Thị Nguyệt A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ